

Số: 04 /2016/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 08 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định mức trần thù lao công chứng và mức trần
chi phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND
ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng
thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 308/TTr-STC
ngày 04 tháng 12 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức trần thù lao
công chứng và mức trần chi phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký
ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành;
Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; các tổ chức hành nghề công chứng
và Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi
hành quyết định này. *lnc*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Thành viên UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh;
- Báo Đắk Nông;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT (Va).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bón

QUY ĐỊNH

**Mức trần thù lao công chứng và mức trần chi phí chứng thực
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**
(Kèm theo Quyết định số 04 /2016/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức trần thù lao công chứng và mức trần chi phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức hành nghề công chứng.
2. Phòng Tư pháp các huyện, thị xã.
3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.
4. Cộng tác viên dịch thuật của các tổ chức hành nghề công chứng và Phòng Tư pháp.
5. Các tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện việc soạn thảo hợp đồng, giao dịch; đánh máy, sao chụp; dịch giấy tờ, văn bản và các việc khác liên quan đến việc công chứng, chứng thực.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức thu tiền thù lao công chứng và chi phí chứng thực phải đăng ký với cơ quan thuế, sử dụng hóa đơn do cơ quan thuế phát hành và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định.
2. Việc thu, nộp tiền thù lao công chứng và chi phí chứng thực bằng tiền đồng Việt Nam; mức thu tại Quy định này không bao gồm phí công chứng và lệ phí chứng thực.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Quy định mức trần thù lao trong hoạt động công chứng

1. Mức trần thù lao cho việc soạn thảo, đánh máy các loại hợp đồng, giao dịch:

STT	Văn bản công chứng	Mức thù lao soạn thảo, đánh máy và in ra 01 trường hợp (đồng)	
		Đơn giản	Phức tạp
1	Các loại hợp đồng, giao dịch		
1.1	Từ 06 trang trở xuống	100.000	150.000
1.2	Từ 07 trang trở lên	150.000	170.000
2	Văn bản khai nhận di sản, thỏa thuận phân chia di sản	150.000	200.000
3	Di chúc; văn bản từ chối nhận di sản	140.000	

a) Trường hợp văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản, văn bản từ chối nhận di sản được coi là phức tạp khi có một trong các điều kiện sau:

- Có từ 05 người trở lên thỏa thuận phân chia, khai nhận di sản;
- Thừa kế thế vị;
- Di sản là tài sản ở nhiều nơi;
- Có người làm chứng, người phiên dịch.

b) Trường hợp hợp đồng, giao dịch khác được coi là phức tạp khi có một trong các điều kiện sau:

- Các hợp đồng, giao dịch có từ 05 người trở lên tham gia;
- Các hợp đồng, giao dịch về bất động sản có tài sản ở nhiều nơi;
- Có người làm chứng, người phiên dịch.

2. Mức trần thù lao cho việc đánh máy, sao chụp giấy tờ, văn bản; niêm yết hồ sơ và các việc khác liên quan đến hoạt động công chứng:

STT	Loại thù lao các việc khác liên quan đến hoạt động công chứng	Mức thu (đồng)
1	Đánh máy giấy tờ, văn bản (bao gồm cả in văn bản)	5.000/01 trang
2	Sao chụp văn bản (A4)	500/01 trang
	Sao chụp văn bản (A3)	2.000/01 trang
3	Niêm yết hồ sơ (chưa bao gồm chi phí ăn, ở và phương tiện đi lại (nếu có)):	
	Dưới 20 km	50.000/ 1 hồ sơ
	Từ 20-50 km	100.000/ 1 hồ sơ
	Trên 50 km	200.000/ 1 hồ sơ
	Trường hợp niêm yết ngoài địa bàn tỉnh Đắk Nông: do 02 (hai) bên thỏa thuận mức thù lao nhưng tối đa không vượt quá 1.500.000 đồng/1 hồ sơ	

Điều 5. Quy định mức trần thù lao dịch thuật từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài và ngược lại

1. Mức trần thù lao dịch thuật được tính trên cơ sở thù tiếng cần dịch và mức độ của giấy tờ, văn bản, cụ thể:

Phân loại	Tiếng	Đơn giản (đồng/trang)	Phức tạp (đồng/trang)
Dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt	Anh, Pháp, Hoa	100.000	130.000
	Nhật, Hàn, Đức	110.000	140.000
	Khác	120.000	150.000
Dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài	Anh, Pháp, Hoa	120.000	150.000
	Nhật, Hàn, Đức	130.000	160.000
	Khác	140.000	170.000

2. Chi tiết các loại văn bản nêu tại Khoản 1 Điều này:

a) Trường hợp được xem là phức tạp khi các loại giấy tờ, văn bản chưa được mẫu hóa; các loại giấy tờ văn bản ít được lưu hành, mang tính chuyên ngành, kỹ thuật như: bản tuyên thệ; di chúc; các loại Công hàm đo cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp; hợp đồng kinh tế, dân sự, lao động; bản án, quyết định của Tòa án; các văn bản chuyên ngành y khoa, kỹ thuật, pháp luật, văn hóa và các loại giấy tờ, văn bản có hình thức tương tự được phép dịch thuật.

b) Đơn vị tính: Một trang văn bản cần dịch có số lượng từ tối đa là 350 từ.

c) Đối với giấy tờ, văn bản có nhiều trang mà nội dung của các trang sau có tính chất, đặc điểm như trang trước (như: Hộ khẩu, học bạ, ...) thì từ trang thứ 02 (hai) trở đi mức thù tính bằng 1/2 mức thù quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 6. Quy định mức trần chi phí chứng thực

Mức trần chi phí chứng thực (gồm đánh máy giấy tờ, văn bản; sao chụp văn bản A4, A3) thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quy định này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các tổ chức hành nghề công chứng, Phòng Tư pháp các huyện, thị xã và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

1. Căn cứ tình hình thực tế, cụ thể để ấn định mức thù cho phù hợp, nhưng không được vượt quá mức trần quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 của Quy định này; niêm yết công khai tại nơi giao dịch để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu công chứng, chứng thực biết và thực hiện.

2. Mở sổ sách kế toán để theo dõi, hạch toán chi phí, doanh thu các khoản thù dịch vụ công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Tư pháp, Sở Tài chính và Cục thuế tỉnh tổ chức, theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp, Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết. /*me*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

